TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03- 8- 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1975; đăng ký thường trú: Số 243 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số 179/10 B, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 243 ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Bé S trình bày là vào năm 1996 chị Nguyễn Thị Bé S và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Sống chung đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn và xa nhau đến nay, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên tự xa nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị S yêu cầu xin ly hôn anh T; về nuôi con chung: Quá trình sống chung, chị S và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997. Do con chung đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản: Không có; về nợ chung: Không có.

Tại tờ tường trình ngày 28 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày là anh T thống nhất với ý kiến của chị S về thời gian cưới, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn và xa nhau từ năm 2004 đến nay. Do không còn tình cảm với chị S, nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S; về nuôi con chung: Anh T thống

nhất có 01 con chung như chị S trình bày và do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản: Không có; về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Bé S xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị S và anh T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú: Số 243 xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân;

Từ năm 1996 đến năm 2004, chị Nguyễn Thị Bé S và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là thật, được các đương sự thừa nhận và có xác nhận ngày 06/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã T về việc chị S và anh T từ năm 1975 đến tháng 7/2017 chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã T để chứng minh.

Pháp luật quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do mối quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T không tuân thủ về đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên khi chị S yêu cầu xin ly hôn, mặc dù anh T đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không ghi nhận sự tự nguyện ly hôn để công nhận thuận tình ly hôn mà cần xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé S và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con chung;

Chị S và anh T thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997. Do con chung Nguyễn Thị Thu T đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị S và anh T không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị S và anh T thống nhất không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị S và anh T thống nhất không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân;

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé S và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung;

Do con chung Nguyễn Thị Thu T đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị S và anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 16509 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị S đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thúy Hằng